

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hữu;

Ông Nguyễn Dũng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huỳnh N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh N trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn D sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh D thường xuyên tụ họp đi ca hát không lo cho gia đình và còn có mối quan hệ

tình cảm với người phụ nữ, chị trực tiếp bắt gặp và năm 2023 chị có nộp đơn ly hôn với anh D, sau đó Tòa án có mời đến hòa giải đối thoại, anh D cam kết bỏ tật xấu nên chị xin rút đơn lại, về đoàn tụ nhưng sau khi đoàn tụ anh D không thực hiện như đã cam kết, hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh D không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 04-02-2006; Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014, hiện nay các con đang sống chung với vợ chồng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Huỳnh N1 và cháu Huỳnh L, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Huỳnh Q đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có ý kiến:

Anh với chị Phạm Thị Huỳnh N sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến thời gian gần đây cụ thể năm 2022 chị N nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ khác và nộp đơn đến Tòa án, sau khi nhận đơn Tòa án có mời đến hòa giải tại tòa án, khi Hòa giải viên hòa giải anh có cam kết không đi ca hát nên chị N xin rút đơn về đoàn tụ.

Nay chị N nghe nói anh có tình cảm với người khác nên tiếp tục gửi đơn ly hôn, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng cả. Do đó, anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 04-02-2006; Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014, hiện nay các con đang sống chung với vợ chồng anh. Nếu phải ly hôn, nguyện vọng con theo ai thì người đó có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung như sau.

- Diện tích đất không nhớ số thửa đất, số tờ bản đồ, tổng diện tích khoảng 30.000 m²; vị trí đất tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hiện nay đang trồng cây mỳ khoảng hơn 02 tháng; diện tích đất này đang thế chấp Ngân hàng A và S;

- Diện tích đất ở, không nhớ số thửa đất, số tờ bản đồ và diện tích; vị trí đất tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4, hiện nay vợ chồng đang quản lý; diện tích đất này đang thế chấp Ngân hàng A và S;

Ngoài các tài sản trên vợ chồng không còn tài sản nào khác. Hai diện tích đất nêu trên do cha mẹ chị N cho vợ chồng, nếu phải ly hôn thì tự thỏa thuận tài sản và các khoản nợ chung.

Về nợ chung:

- Vợ chồng vay tại Ngân hàng A – Chi nhánh T2 số tiền 250.000.000 đồng và S chi nhánh T3 – P số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để chăm sóc cây măng cầu, trồng cây mỳ. các khoản nợ trên sắp đến hạn thanh toán hợp đồng;

- Nợ tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của hộ kinh doanh Ngô Thị Thanh T do chị Ngô Thị Thanh T đại diện, số tiền 130.000.000 đồng từ năm 2016 đến nay, mục đích mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc cây măng cầu;

- Nợ tiền vay của ông T1 vào năm 2023 (họ tên đầy đủ không biết), chị N trực tiếp đến vay số tiền khoảng 100.000.000 đồng, mục đích vay dùng chi tiêu trong gia đình, có thỏa thuận tiền lãi nhưng không biết bao nhiêu, không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng;

- Nợ tiền vay bà L1 số tiền 20.000.000 đồng, do anh trực tiếp vay năm 2023, mục đích vay để chi tiêu trong gia đình, có thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng.

Ngoài ra không còn nợ ai khác, nếu ly hôn thì giao tất cả các tài sản và các phần đất cho chị N và chị N có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị N và anh D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, thể hiện chị N đã nộp đơn ly hôn một lần, sau đó anh D cam kết không vi phạm nhưng lại tiếp tục vi phạm không thay đổi nên nay chị N tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Huỳnh N đối với anh Nguyễn Văn D.

- Về nuôi con chung: Chị N và anh Dương t thỏa thuận giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 04-02-2006; Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh D không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Huỳnh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Huỳnh N là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh D không thừa nhận có mâu thuẫn với chị N, nguyên nhân chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn là nghi ngờ anh có tình cảm với người khác, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh D thừa nhận thỉnh thoảng có cùng với bạn bè đi ca hát nhạc nên vợ chồng xảy ra gây gổ với nhau, hiện vợ chồng còn sống chung nhà, nay anh không đồng ý ly hôn với chị N, xin cho thời gian để đoàn tụ. Xét thấy, năm 2023 giữa anh D và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, chị N đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau khi hòa giải chị N xin rút đơn đoàn tụ. Nay chị N tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn và cung cấp chứng cứ là hình ảnh tin nhắn do anh D nhắn tin nói chuyện với người phụ nữ khác và hình ảnh chụp hình chung với người phụ nữ khác. Như vậy cho thấy anh D không còn tình cảm và không tôn trọng chị N, dẫn đến hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh D có 03 người con tên Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 04-02-2006; Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014, hiện đang sống chung với chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có nguyện vọng nuôi cháu N1, cháu L và theo nguyện vọng của các cháu muốn sống với chị N, anh D đồng ý theo nguyện vọng của các con. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con cũng như điều kiện nuôi con của anh, chị nên cần giao con chung tên Nguyễn Huỳnh N1, sinh

ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con cùng với chị.

Đối với con chung Nguyễn Huỳnh Q, sinh ngày 04-02-2006 đã thành niên, chị N và anh D không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh D không yêu cầu giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Huỳnh N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh N1, sinh ngày 13-01-2010 và Nguyễn Huỳnh L, sinh ngày 27-11-2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con cùng với chị.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0006391 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Huỳnh N, anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ

tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc